

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 110A/2023/DS-PT.

Ngày: 16-3-2023.

V/v: Chia thừa kế và hủy Giấy
chứng nhận QSD đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

Các thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng và bà Nguyễn Thị Lan Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phương Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà bà Trần Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 16-3-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 547/20212/TLPT-DS ngày 25-11-2022 do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.Pbị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-DS ngày 31-01-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐHPT-DS ngày 27-02-2023. Vụ án giải quyết tranh chấp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ N.T.Đ, sinh năm 1922, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông N.Đ.H, sinh năm 1944, địa chỉ: Cụm 4, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, (đều có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn:

1. Bà H.T.X, sinh năm 1955;

2. Anh N.T.H, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

Bà H.T.X uỷ quyền cho anh N.T.H đại diện, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông N.Đ.H, sinh năm 1944, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông N.V.M, sinh năm 1958, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà N.T.L, sinh năm 1955, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà N.T.P, sinh năm 1963, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà H.T.X, sinh năm 1955, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

6. Chị N.T.V, sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 10, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Số 155 G.N, phường T.Đ, quận T.X, thành phố Hà Nội.

7. Chị N.T.T, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn M.U2, xã T.X, huyện T.T, thành phố Hà Nội.

8. Chị N.T.H, sinh năm 1982, địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 3, cụm 2, xã L.T, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

9. Bà T.T.Q, sinh năm 1951, địa chỉ: Tổ 4, phường H.V.T, thành phố T.N, tỉnh T.N.

10. Chị N.T.T.H, sinh năm 1986, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

11. Chị N.H.Â, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 11, phường H.V.T, thành phố T.N, tỉnh T.N.

(Người đại diện theo uỷ quyền của bà T.T.Q, chị N.H.Â là chị N.T.T.H, xin xét xử vắng mặt).

12. Ông N.T.Q, sinh năm 1963, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

13. Bà N.T.T, sinh năm 1974, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

14. Chị N.K.H, sinh năm 1998, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

15. Anh N.Đ.T, sinh năm 2001, địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

16. Chị N.T.H(N.T.H), sinh năm 1996, địa chỉ: Cụm 5, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

(Người đại diện theo uỷ quyền của ông N.T.Q, bà N.T.T, chị N.T.H(N.T.H), chị N.K.H là ông N.Đ.H, sinh năm 1944, địa chỉ: Cụm 4, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa).

17. UBND huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 105 T.S, thị trấn Phùng, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền là ông Bùi Văn H, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, xin xét xử vắng mặt.

18. UBND xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền là ông Đỗ Văn M, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyên đơn cụ N.T.Đ khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Đ.P với yêu cầu:

- Chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 115239 do UBND huyện Đ.P cấp mang tên Hộ bà N.T.Đ đối với thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội nêu trên.

Lý do khởi kiện của cụ N.T.Đ như sau:

Thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội là của vợ chồng cụ N.T.Đ và cụ N.V.T có nguồn gốc được ông cha để lại. Năm 1980 cụ N.T.Đ và cụ N.V.T làm ngôi nhà tre trên thửa đất nêu trên và cho vợ chồng con trai là ông N.V.T1, bà H.T.X sinh sống. Ngày 29-12-1987 UBND huyện Đ.P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1905 đối với thửa đất số 409, tờ bản đồ số 1 mang tên cụ N.V.T với diện tích 192 m². Năm 1994 cụ N.V.T chết, không để lại di chúc nên cụ N.T.Đ quản lý thửa đất và được UBND huyện Đ.P cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 115239 thành thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1, diện tích 187 m² mang tên Hộ cụ N.T.Đ. Sau thời gian được cha mẹ cho ra ở tại nhà đất nêu trên, vợ chồng ông N.V.T1, bà H.T.X dỡ bỏ ngôi nhà tre và xây dựng 3 gian nhà cấp bốn cùng công trình phụ trên đất. Ông N.V.T1 chết năm 2009 không để lại di chúc. Năm 2018 bà H.T.X cùng con trai là anh N.T.H dỡ bỏ nhà cũ và xây lại nhà cấp bốn cùng công trình phụ trên đất như hiện nay. Cụ N.T.Đ yêu cầu bớt lại một phần đất làm lối đi từ đường làng vào phần đất còn lại phía trong để cụ N.T.Đ sử dụng nhưng bà H.T.X và anh N.T.H không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Cụ N.T.Đ khởi kiện với đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản là quyền sử dụng đất do chồng là cụ N.V.T để lại, không di chúc và việc UBND huyện Đ.P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình là không đúng.

* Bị đơn bà H.T.X trình bày là vợ của ông N.V.T1 và là con dâu của cụ N.T.Đ và cụ N.V.T. Thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội do ông cha để lại cho cụ N.T.Đ và cụ N.V.T. Từ năm 1973 bà H.T.X kết hôn với ông N.V.T1 và về làm dâu con sống cùng gia đình chồng. Năm 1980 cụ N.T.Đ và cụ N.V.T cho vợ chồng bà H.T.X ra làm nhà tại thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, khi đó là thửa đất còn để trống. Cụ N.T.Đ và cụ N.V.T không ở trên thửa đất này bất cứ thời gian nào. Thực tế cụ N.T.Đ và cụ N.V.T có bốn người con trai và cho mỗi người một thửa đất. Ông N.Đ.H, ông N.V.V và ông N.V.M được chia những thửa đất khác và đã làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Riêng chồng bà là ông N.V.T1 do ham chơi nên cụ N.T.Đ và cụ N.V.Tchưa sang tên sử dụng đất mà nói giữ lại để sau này cho cháu là con của ông N.V.T1, bà H.T.X. Sau khi cụ N.V.Tchết, cụ N.T.Đ giữ giấy tờ thừa đất và đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra sao bà H.T.X không được biết.

Bà H.T.X khai vợ chồng đã san lấp, tôn tạo nên đất để xây dựng nhà cùng các công trình phụ như hiện trạng, các con không công sức hay đóng góp gì. Tại thời điểm bà H.T.X xây dựng lại nhà năm 2018, cụ N.T.Đ yêu cầu trả 48 m² đất nhưng bà H.T.X không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Quan điểm của bà H.T.X: Khi cụ N.V.Tcòn sống, hai cụ đã thống nhất cho vợ chồng bà H.T.X, ông N.V.T1 thừa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Mặc dù chưa sang tên sử dụng đất vì lý do ông N.V.T1 hay cò bạc nhưng thực tế vợ chồng, con cái bà H.T.X đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1980 đã hơn 40 năm không ai tranh chấp hay phản đối, chỉ đến năm 2018 cụ N.T.Đ đòi lấy lại một phần thừa đất để bán mới phát sinh tranh chấp.

* Bị đơn anh N.T.H thống nhất với trình bày của mẹ là bà H.T.X như đã nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N.Đ.H thống nhất với nội dung trình bày, quan điểm của mẹ là cụ N.T.Đ - nguyên đơn trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp được hưởng thừa kế thì ông N.Đ.H đồng ý để cụ N.T.Đ định đoạt.

Ông N.Đ.H không yêu cầu xem xét các chi phí chăm sóc cụ N.V.Tkhi già yếu và chết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P thống nhất với nội dung trình bày của cụ N.T.Đ về quan hệ huyết thống, về nguồn gốc và quá trình sử dụng thừa đất có tranh chấp. Ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nếu được chia thừa kế thì ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P cùng nhất trí cho cụ N.T.Đ toàn quyền quyết định. Ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P không yêu cầu xem xét công sức chăm sóc, mai táng cha là cụ N.V.T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T.T.Q trình bày là vợ của ông N.V.Vvà là con dâu của cụ N.V.T, cụ N.T.Đ. Ông N.V.Vchết năm 2013, có hai con chung với bà T.T.Q là chị Nguyễn Thị Hải Âu và chị N.T.T.H. Ngoài ra ông N.V.Vkhông có con nuôi, con riêng. Bà T.T.Q thống nhất lời khai của cụ N.T.Đ, xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và ủy quyền cho con gái là chị N.T.T.H đại diện. Nếu được chia thừa kế thì bà T.T.Q nhường cho cụ N.T.Đ. Bà T.T.Q không yêu cầu xem xét công sức chăm sóc, mai táng cha là cụ N.V.T.

* Chị N.H.Â và chị N.T.T.H nhất trí với nội dung, quan điểm của mẹ là bà T.T.Q và xin giải quyết vắng mặt. Nếu được chia thừa kế thì chị N.H.Â và chị N.T.T.H nhường quyền quyết định cho cụ N.T.Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N.T.Q, bà N.T.T, chị Nguyễn Khánh Hòa, anh N.Đ.T, chị N.T.H trình bày không có quyền sử dụng đối với thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

* UBND xã T.H trình bày: Sau khi xem xét hồ sơ địa chính, tài liệu lưu trữ liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất xác định: Bản đồ năm 1967, Sổ mục kê 1979 là thửa đất số 363, tờ bản đồ số 1 diện tích 384 m² mang tên chủ sử dụng cụ N.V.T là chồng cụ N.T.Đ. Quá trình sử dụng đất, cụ N.V.T, cụ N.T.Đ bán cho ông Nguyễn Văn Chử 192 m². Theo bản đồ năm 1986, sổ mục kê năm 1986 là thửa số 409, tờ bản đồ số 01, diện tích 192 m², loại đất thổ cư, tên chủ sử dụng N.V.T và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1987 tên N.V.T.

Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1998 là thửa số 880, tờ bản đồ số 01, diện tích 187 m² tên chủ sử dụng là N.T.Đ. Đến năm 2001, thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ cụ N.T.Đ. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thửa đất bà H.T.X và anh N.T.H sử dụng có lấn 6,7 m² thì UBND xã T.H không yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết trong cùng vụ án.

* UBND huyện Đ.P trình bày việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất dựa trên căn cứ hồ sơ và tài liệu địa chính do UBND xã T.H trình. Trước yêu cầu của cụ N.T.Đ đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, UBND huyện Đ.P đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm cụ N.T.Đ xác định thửa đất nêu trên sử dụng ổn định, không tranh chấp ranh giới, đề nghị chia một phần đất trống sau nhà và công trình bà H.T.X đã xây dựng năm 2018, cắt một phần đất làm lối đi. Diện tích còn lại cho bà H.T.X và anh N.T.H sử dụng mà không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ N.T.Đ chia thừa kế ½ diện tích đất là di sản thừa kế của cụ N.V.T tại thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1 địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ N.T.Đ nhận một phần thừa kế của các hàng thừa kế và cho bà H.T.X cùng anh N.T.H suất thừa kế còn lại do các hàng thừa kế cho.

1. Xác định tài sản chung như sau:

- Thừa đất số 880, tờ bản đồ số 1, diện tích 188,7 m² là tài sản chung của cụ N.V.T và cụ N.T.Đ.

- Trích công sức cho bà H.T.X 1/3 diện tích tương ứng với 62,9 m².

- Mở lối đi chung 6 m² vào phần đất phía trong, vị trí ngõ đi giới hạn bởi các điểm 2,3,4,7,8 theo sơ đồ đo vẽ, kích thước như sau:

+ Đoạn từ 2 đến 3 là 4 m; đoạn từ 4 đến 7 là 1,86 m; đoạn từ 7 đến 8 là 2,25 m;

+ Phía Tây giáp đất giao cho cụ N.T.Đ và bà H.T.X là các điểm từ 2 đến 8 là 1,5 m.

+ Phía Đông xác định từ điểm 6 đến 7 là 3,68 m; từ điểm 4 đến 5 là 3,72 m; từ điểm 5 đến 6 là 1,86 m.

- Diện tích còn lại là tài sản chung của cụ N.V.T và cụ N.T.Đ là 119,8 m², mỗi người được ½ diện tích là 59,9 m².

2. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên của cụ N.V.T có trị giá 1.198.000.000 đồng, chia thừa kế như sau:

2.1. Di sản thừa kế của cụ N.V.T chia cho 07 người gồm: Cụ N.T.Đ, ông Nguyễn Văn Điền, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P, ông N.V.T1 và ông Nguyễn Văn Viên.

Những người được thừa kế kỷ phần của ông N.V.T1 gồm: Bà H.T.X, anh N.T.H, chị N.T.V, chị N.T.T.

Những người được thừa kế kỷ phần của ông N.V.V là bà T.T.Q, chị N.H.Â và chị N.T.T.H. Tương ứng mỗi suất 8,557 m² x 20.000.000 đồng/m² = 171.140.000 đồng.

2.2. Giao bà H.T.X hưởng thừa kế bằng hiện vật và thanh toán cho các hàng thừa kế của ông N.V.T1 bằng tiền. Tổng diện tích bà H.T.X được trích công sức 62,9 m² và 01 suất thừa kế của ông N.V.T1 8,557 m² nên tổng diện tích là 71,45 m².

- Bà H.T.X sử dụng phần đất xây dựng nhà và các công trình theo hiện trạng có diện tích 110,7 m² ở vị trí:

+ Phía Bắc tính từ điểm 12 đến 13 là 11,3 m;

+ Phía Nam tính từ điểm 1 đến 2 là 7,21 m;

+ Phía Tây tính từ điểm 1 đến 12 là 9,19 m;

+ Phía Đông tính từ điểm 3 đến 13 là 10,5 m.

- Bà H.T.X phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất tiêu chuẩn hưởng thừa kế của ông N.V.T1 cho chị N.T.V, chị N.T.H, chị N.T.T mỗi người 34.228.000 đồng.

- Bà H.T.X phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất tiêu chuẩn hưởng thừa kế của ông N.V.T1 cho anh N.T.H là 34.228.000 đồng và chênh lệch giá trị tài sản do cụ N.T.Đ cho anh N.T.H là 391.400.000 đồng. Tổng số tiền bà H.T.X phải thanh toán cho anh N.T.H là 425.628.000 đồng.

2.3. Giao cụ N.T.Đ sử dụng 12,2 m² đất hưởng thừa kế của cụ N.V.T. Diện tích đất có một phần nằm phía sau và phần phía trước nhà giao cho bà H.T.X.

- Tài sản chung của cụ N.T.Đ là 59,9 m² và 12,2 m² hưởng thừa kế của cụ N.V.T, tổng diện tích là 72,1 m². Vị trí đất như sau:

+ Phía Bắc xác định từ điểm 11 đến 12 là 6,86 m;

+ Phía Nam xác định từ điểm 9 đến 10 là 5,31 m;

+ Phía Tây xác định từ điểm 10 đến 11 là 9,6 m;

+ Phía Đông xác định từ điểm 1 đến 9 là 1,5 m; từ điểm 1 đến 12 là 9,19 m.

- Phần đất còn lại có các cạnh tiếp giáp với đất giao cho bà H.T.X xác định từ điểm 1 đến 2 là 7,21 m; từ điểm 2 đến 8 là 1,5 m; từ điểm 8 đến 9 là 7,2 m.

- Cụ N.T.Đ phải thanh toán cho bà H.T.X giá trị tài sản cây trồng trên đất trống là 880.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Đ.P còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền lãi nếu chậm thi hành án, quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13-9-2022 anh N.T.H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.P để công nhận quyền sử dụng thừa đất số 880 nêu tên là tài sản hợp pháp của gia đình mình.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm chị N.T.V, chị N.T.H và chị Nguyễn Thị Thúy gửi đơn đề nghị tặng cho mẹ là bà H.T.X phần thừa kế được hưởng từ bố là ông N.V.T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự giữ nguyên quan điểm về nguồn gốc, quá trình kê khai sử dụng đất cũng như diện và hàng thừa kế.

- Anh N.T.H giữ quan điểm kháng cáo.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa gồm cụ N.T.Đ, ông N.Đ.H đã thỏa thuận với anh N.T.H (anh N.T.H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà H.T.X) về biện pháp giải quyết tranh chấp. Theo đó, cụ N.T.Đ và ông N.Đ.H đồng ý để bà H.T.X do anh N.T.H đại diện thanh toán một lần tại phiên tòa giá trị quyền sử dụng 72,1 m² đất theo quyết định của bản án sơ thẩm là 800.000.000 đồng. Bà H.T.X và anh N.T.H được sử dụng chung toàn bộ thửa đất số 880, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, anh N.T.H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà H.T.X đã thỏa thuận thanh toán giá trị tài sản 72,1 m² đất chia theo bản án sơ thẩm cho cụ N.T.Đ là 800.000.000 đồng để cùng bà H.T.X sử dụng toàn bộ thửa đất là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng và sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1]. Kháng cáo của anh N.T.H đảm bảo các điều kiện về chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Cụ N.T.Đ khởi kiện chia thừa kế di sản của chồng là cụ N.V.T. Để xác định di sản thừa kế phải phân định tài sản chung của vợ chồng nên hai quan hệ pháp luật có liên quan trực tiếp và cần giải quyết trong cùng vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đ.P thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tại đơn khởi kiện, cụ N.T.Đ còn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01791 do UBND huyện Đ.P cấp ngày 28-12-2001 mang tên: “Hộ bà N.T.Đ”. Văn bản hành chính về quyền sử dụng đất này được cấp đổi nhưng không thông qua giao dịch dân sự. Thẩm quyền xem xét yêu cầu khởi kiện này của đương sự theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân huyện Đ.P nhận định, giải quyết là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm cụ N.T.Đ không yêu cầu xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01791 do UBND huyện Đ.P cấp ngày 28-12-2001 trong cùng vụ án để cùng anh N.T.H thống nhất biện pháp giải quyết tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ rút kinh nghiệm về thẩm quyền xét xử đối với Tòa án nhân dân huyện Đ.P.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo trích lục khai tử số 1499/TLKT-BS ngày 01-10-2018 của UBND xã T.H thì cụ N.V.T chết năm 1994 nên ngày 13-3-2020 cụ N.T.Đ khởi kiện chia thừa kế là đảm bảo thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Về nội dung:

[5]. Xác định di sản thừa kế.

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1 tại địa chỉ: Xóm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội của ông cha nhiều đời để lại cho vợ chồng cụ N.V.T, cụ N.T.Đ và đã từng được UBND huyện Đ.P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N.V.T. Do đó, quyền sử dụng thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng cụ N.V.T và cụ N.T.Đ.

UBND huyện Đ.P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N.V. Năm 1987, sau đó cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mang tên cụ N.T.Đ và năm 2001 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ gia đình cụ N.T.Đ nhưng không dựa trên sự kiện pháp lý thay đổi chủ sử dụng đất nên không là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho các thành viên trong Hộ gia đình tại thời điểm cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001.

Bà H.T.X và anh N.T.H khai trước đây cụ N.V.T và cụ N.T.Đ đã chia cho các con đất ở ổn định. Ông N.V.T1 là chồng bà H.T.X được cha mẹ chia thửa đất 880 nhưng chưa làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì ông N.V.T1 ham chơi. Cụ N.V.T và cụ N.T.Đ đã nói để thửa đất sau này cho anh N.T.H là con trai ông N.V.T1. Ngoài lời khai như trên, bà H.T.X và anh N.T.H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, không được cụ N.T.Đ thừa nhận. Do đó, bà H.T.X và anh N.T.H cho rằng thửa đất của gia đình mình đã được tặng cho là không cơ sở chấp nhận.

Toà án nhân dân huyện Đ.P xác định quyền sử dụng thửa đất là tài sản chung của vợ chồng cụ N.V.T và cụ N.T.Đ là đúng. Di sản của cụ N.V. Nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng.

[6]. Xác định diện và hàng thừa kế.

Cụ N.V. Chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ N.V. Gồm vợ và các con, gồm cụ N.T.Đ, ông N.Đ.H, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P hiện còn sống. Đối với ông N.V. Đã chết ngày 28-7-2013 theo Giấy chứng tử số 57/2003 Quyền số 1/2013 của UBND xã T.H, tức chết sau cụ N.V. Nên theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì vợ và các con được hưởng thừa kế chuyển tiếp kỹ phần thừa kế di sản của cụ N.V.T, gồm bà T.T.Q, chị N.H.Á, chị N.T.T.H. Ông N.V.T1 đã chết ngày 20-02-2009 theo Trích lục khai tử số 1526/TLKT-BS ngày 04-10-2018 của UBND xã T.H, tức chết sau cụ N.V. Nên vợ và các con được hưởng thừa kế chuyển tiếp kỹ phần thừa kế di sản của cụ N.V.T, gồm bà Hoàng Thị Xoa, chị Nguyễn Thị Thúy, chị N.T.H, chị N.T.V và anh N.T.H theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Đ.P xác định nhằm tư cách tổ tụng của những người thừa kế chuyển tiếp nêu trên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[7]. Về chia di sản thừa kế.

Thời gian vợ chồng bà H.T.X quản lý, duy trì thửa đất từ năm 1980 đến nay là khoảng 43 năm. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đ.P tính công sức duy trì, tôn tạo là 1/3 diện tích đất bằng 62,9 m². Cụ N.T.Đ và các con không kháng cáo về nội dung chia công sức. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Đ.P chỉ tính công sức cho bà H.T.X mà không tính công sức cho ông N.V.T1 là chưa chính xác. Theo quy định của pháp luật thì phần công sức duy trì, tôn tạo của ông N.V.T1 ít hay nhiều cũng cần xác định là di sản thừa kế của ông N.V.T1 để lại.

Quyết định của bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đ.P không ghi nhận sự tự nguyện của những người trong diện, hàng thừa kế giao quyền quyết định cho cụ N.T.Đ là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Tòa án nhân dân huyện Đ.P trừ 06 m² đất làm đường đi trong số đất còn lại sau khi trích công sức để giao cho cụ N.T.Đ sử dụng rồi mới chia đôi để xác định di sản thừa kế của cụ N.V.T là 59,9 m² đất là không đúng. Phải coi diện tích 125,8 m² đất còn lại sau khi trích công sức là tài sản chung của vợ chồng cụ N.V.T, cụ N.T.Đ. Theo đó, phần quyền tài sản của cụ N.T.Đ là 62,9 m² đất và di sản thừa kế của cụ N.V.T là 62,9 m² đất. Do Tòa án nhân dân huyện Đ.P xác định di sản thừa kế không chính xác dẫn đến giá trị mỗi kỷ phần thừa kế cũng không đúng.

Theo nhận định như trên thì:

- Bà H.T.X và anh N.T.H được tính công sức, nhận thừa kế chuyển tiếp từ ông N.V.T1 gồm $62,9 \text{ m}^2 + 8,98 \text{ m}^2 = 71,8 \text{ m}^2$.

- Cụ N.T.Đ được chia tài sản chung của thửa đất là 62,9 m² và nhận 6 kỷ phần thừa kế từ cụ N.V.T là $(62,9 \text{ m}^2 : 7) \times 6 = 53,9 \text{ m}^2$. Cộng là 116,8 m² (làm tròn số). Quyết định của bản án sơ thẩm chia hiện vật cụ N.T.Đ sử dụng 71,2 m² đất trống theo sơ đồ phân chia và cụ N.T.Đ tự nguyện tặng cho bà H.T.X và anh N.T.H phần diện tích còn lại là 45,6 m². Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm cụ N.T.Đ với tư cách nguyên đơn đồng thời được ông N.Đ.H, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P, những người là vợ và con của ông N.V.V tự nguyện giao quyền quyết định đối với phần di sản được hưởng đã đồng ý nhận bằng giá trị của 71,2 m² đất theo quyết định của bản án sơ thẩm với số tiền 800.000.000 đồng do anh N.T.H thanh toán, để nhất trí giao quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà H.T.X, anh N.T.H.

Theo bản án sơ thẩm thì chị N.T.V, chị N.T.H, chị N.T.T được chia giá trị kỷ phần thừa kế chuyển tiếp từ ông N.V.T1. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử

phúc thẩm chị N.T.V, chị N.T.H, chị N.T.T có đơn đề nghị tặng cho bà H.T.X kỷ phần thừa kế của mình. Quyền định đoạt thể hiện sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Xét thấy, cụ N.T.Đ và anh N.T.H thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Ông N.Đ.H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của cụ N.T.Đ có mặt tại phiên tòa cũng đồng ý với biện pháp giải quyết này. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Án phí:

- Cụ N.T.Đ, bà H.T.X là người già có đơn xin miễn án phí nên Toà án nhân dân huyện Đ.Pmiễn nộp án phí dân sự là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh N.T.H phải nộp 21.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh N.T.H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ N.T.Đ chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ N.V.Ttại thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1 địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

2. Xác định thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1, diện tích 188,7 m² là tài sản chung của cụ N.V.Tvà cụ N.T.Đ.

2.1. Trích công sức cho bà H.T.X và ông N.V.T1 bằng 1/3 diện tích thửa đất, tương ứng với 62,9 m².

2.2. Diện tích còn lại là tài sản chung của cụ N.V.Tvà cụ N.T.Đ là 125,8 m², mỗi người được ½ diện tích là 62,9 m² có trị giá 1.198.000.000 đồng.

2.3. Di sản thừa kế của cụ N.V.Tchia cho 07 người gồm: Cụ N.T.Đ, ông Nguyễn Văn Điền, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P, ông N.V.T1 và ông Nguyễn

Văn Viên. Mỗi kỳ phần thừa kế được chia $8,985 \text{ m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 179.715.000 \text{ đồng}$ (lấy tròn số).

- Những người được thừa kế kỳ phần của ông N.V.T1 gồm: Bà H.T.X, anh N.T.H, chị N.T.V, chị N.T.T.

- Những người được thừa kế kỳ phần của ông N.V.V là bà T.T.Q, chị N.H.Â và chị N.T.T.H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N.Đ.H, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P, bà T.T.Q, chị N.H.Â, chị N.T.T.H giao cho cụ N.T.Đ nhận và quyết định phân di sản thừa kế được hưởng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N.T.V, chị N.T.H, chị N.T.T tặng cho bà H.T.X kỳ phần thừa kế từ ông N.V.T1.

5. Cụ N.T.Đ được chia $62,9 \text{ m}^2$ tài sản riêng và $8,985 \text{ m}^2$ kỳ phần thừa kế của cụ N.V.T cùng $44,92 \text{ m}^2$ của 5 kỳ phần thừa kế của các ông N.Đ.H, ông N.V.M, bà N.T.L, bà N.T.P, bà T.T.Q, chị N.H.Â, chị N.T.T.H. Tổng cộng là $116,8 \text{ m}^2$.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ N.T.Đ nhận quyền sử dụng $71,2 \text{ m}^2$ đất của thửa số 880, tờ bản đồ số 1 địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội theo quyết định của bản án sơ thẩm. Phần còn lại $45,6 \text{ m}^2$ cụ N.T.Đ tặng cho bà H.T.X và anh N.T.H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ N.T.Đ về việc nhận quyền sử dụng $71,2 \text{ m}^2$ đất nêu trên bằng giá trị là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng chẵn). Anh N.T.H đồng thời là đại diện của bà H.T.X thanh toán một lần cho cụ N.T.Đ 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng chẵn) để được toàn quyền sử dụng diện tích đất của cụ N.T.Đ được phân chia theo bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, *(Hai bên đã tự giao nhận số tiền nêu trên tại phiên tòa phúc thẩm)*

6. Bà H.T.X và anh N.T.H được chia, nhận tặng cho và trích công sức là $117,5 \text{ m}^2$ đất trị giá 2.350.000.000 đồng, cùng với $71,2 \text{ m}^2$ đất đã thanh toán giá trị cho cụ N.T.Đ. Tổng cộng diện tích bà H.T.X và anh N.T.H được sử dụng chung toàn bộ $188,7 \text{ m}^2$ đất của thửa số 880, tờ bản đồ số 1 địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

Bà H.T.X và anh N.T.H có quyền đăng ký, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 880, tờ bản đồ số 1 địa chỉ: Cụm 3, xã T.H, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung và chia thừa kế cho cụ N.T.Đ.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.T.X.

- Anh N.T.H phải chịu 21.025.000 đồng (*hai một triệu, không trăm hai mươi năm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh N.T.H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.Ptheo Biên lai số 2879 ngày 13-9-2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Đ.P;
- Chi cục THADS huyện Đ.P;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ / VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường